

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1617** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày **09** tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bổ sung danh mục máy móc, thiết bị, vật tư,
nguyên liệu trong nước đã sản xuất được**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 2840/QĐ-BCT ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được;

Căn cứ Công văn số 7551A/BCT-KH ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Bộ Công Thương về việc Hướng dẫn điều chỉnh, bổ sung Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được;

Xét đề nghị của Sở Công Thương Thành phố Hà Nội tại Công văn số 1400/SCT-QLCN ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc đề nghị bổ sung sản phẩm của Công ty cổ phần Ba An vào Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục bổ sung máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Danh mục này làm căn cứ để các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo thực hiện theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 2840/QĐ-BCT ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty và Hiệp hội

ngành nghề tiếp tục đề xuất với Bộ Công Thương để điều chỉnh, bổ sung Danh mục phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT; TC; NN&PTNT; Y tế; GTVT; TT&TT; XD; KHCN;
- Ngân hàng Nhà nước;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Công Thương Thành phố Hà Nội;
- Các TD, TCT 90, 91, CT thuộc Bộ;
- Website BCT;
- Lưu: VT, KH (3).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Cao Quốc Hưng

Phụ lục

**DANH MỤC BỔ SUNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ, VẬT TƯ, NGUYÊN LIỆU TRONG NƯỚC ĐÃ SẢN XUẤT ĐƯỢC
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BA AN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1 6 1 7 /QĐ-BCT ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Mã số hải quan HS (*)	Tên mặt hàng		Ký hiệu quy cách, mô tả đặc tính kỹ thuật	Tỷ lệ phần trăm giá trị sản xuất trong nước (%)
	Nhóm	Phân nhóm		
3917	21	00	BFP 25 -Đường kính ngoài: 32 ± 2.0 -Đường kính trong: 25 ± 2.0 -Độ dày thành ống: 1.5 ± 0.30 -Bước ren: 8 ± 0.5	54,13
3917	21	00	BFP 30 -Đường kính ngoài: 40 ± 2.0 -Đường kính trong: 30 ± 2.0 -Độ dày thành ống: 1.5 ± 0.30 -Bước ren: 10 ± 0.5	52,72
3917	21	00	BFP 40 -Đường kính ngoài: 50 ± 2.0 -Đường kính trong: 40 ± 2.0 -Độ dày thành ống: 1.5 ± 0.30 -Bước ren: 13 ± 0.8	51,83
3917	21	00	BFP 50 -Đường kính ngoài: 65 ± 2.0 -Đường kính trong: 50 ± 2.5 -Độ dày thành ống: 1.7 ± 0.30 -Bước ren: 17 ± 1.0	51,04

Mã số hải quan HS (*)		Tên mặt hàng	Ký hiệu quy cách, mô tả đặc tính kỹ thuật	Tỷ lệ phần trăm giá trị sản xuất trong nước (%)
Nhóm	Phân nhóm			
3917	21 00	Ống nhựa xoắn HDPE Ba An BFP 65	BFP 65 -Đường kính ngoài: 85 ± 2.5 -Đường kính trong: 65 ± 2.5 -Độ dày thành ống: 2.0 ± 0.30 -Bước ren: 21 ± 1.0	49,81
3917	21 00	Ống nhựa xoắn HDPE Ba An BFP 80	BFP 80 -Đường kính ngoài: 105 ± 3.0 -Đường kính trong: 80 ± 3.5 -Độ dày thành ống: 2.1 ± 0.35 -Bước ren: 25 ± 1.0	49,34
3917	21 00	Ống nhựa xoắn HDPE Ba An BFP 90	BFP 90 -Đường kính ngoài: 112 ± 3.5 -Đường kính trong: 90 ± 3.5 -Độ dày thành ống: 2.1 ± 0.35 -Bước ren: 25 ± 1.0	49,25
3917	21 00	Ống nhựa xoắn HDPE Ba An BFP 100	BFP 100 -Đường kính ngoài: 130 ± 4.0 -Đường kính trong: 100 ± 4.0 -Độ dày thành ống: 2.2 ± 0.40 -Bước ren: 30 ± 1.0	49,06
3917	21 00	Ống nhựa xoắn HDPE Ba An BFP 125	BFP 125 -Đường kính ngoài: 160 ± 4.0 -Đường kính trong: 125 ± 4.0 -Độ dày thành ống: 2.4 ± 0.60 -Bước ren: 38 ± 1.0	48,07

Mã số hải quan HS (*)		Tên mặt hàng	Ký hiệu quy cách, mô tả đặc tính kỹ thuật	Tỷ lệ phần trăm giá trị sản xuất trong nước (%)
Nhóm	Phân nhóm			
3917	21 00	Ống nhựa xoắn HDPE Ba An BFP 150	BFP 150 -Đường kính ngoài: 188 ± 4.0 -Đường kính trong: 150 ± 4.0 -Độ dày thành ống: 2.8 ± 0.80 -Bước ren: 45 ± 1.0	48,65
3917	21 00	Ống nhựa xoắn HDPE Ba An BFP 160	BFP 160 -Đường kính ngoài: 200 ± 4.0 -Đường kính trong: 160 ± 4.0 -Độ dày thành ống: 3.0 ± 0.80 -Bước ren: 50 ± 1.0	48,55
3917	21 00	Ống nhựa xoắn HDPE Ba An BFP 175	BFP 175 -Đường kính ngoài: 230 ± 4.0 -Đường kính trong: 175 ± 4.0 -Độ dày thành ống: 3.5 ± 1.00 -Bước ren: 55 ± 1.0	48,43
3917	21 00	Ống nhựa xoắn HDPE Ba An BFP 200	BFP 200 -Đường kính ngoài: 260 ± 4.5 -Đường kính trong: 200 ± 4.0 -Độ dày thành ống: 4.0 ± 1.50 -Bước ren: 60 ± 1.0	48,35
3917	21 00	Ống nhựa xoắn HDPE Ba An BFP 250	BFP 250 -Đường kính ngoài: 320 ± 5.0 -Đường kính trong: 250 ± 5.0 -Độ dày thành ống: 4.5 ± 1.50 -Bước ren: 70 ± 1.0	48,19

(*). Mã HS: căn cứ theo Thông tư số 103/2015/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam